

NGHỊ QUYẾT

Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, một số nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với các dự án sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số, dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2026 - 2031

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Xét Tờ trình số 2646/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo số 287/BC-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 144/BC-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Nghị quyết Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, một số nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với các dự án sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số, dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2026 - 2031.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, một số nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với các dự án sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số (bao gồm: Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn, dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo), dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 4 Điều 28, khoản 2 Điều 39, khoản 6 Điều 40 Luật Công nghiệp công nghệ số.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nhà đầu tư trong nước (sau đây gọi là Nhà đầu tư) thực hiện dự án sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số, sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 Nghị quyết này.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, thẩm định, phê duyệt và giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ được thực hiện sau đầu tư.

2. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng nội dung, tiêu chí, điều kiện và mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

3. Các nội dung, mức hỗ trợ do đối tượng kê khai phải đồng bộ với việc kê khai, thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật về thuế.

4. Mỗi dự án chỉ được hưởng hỗ trợ một lần đối với cùng một nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị quyết này. Trường hợp cùng một nội dung hỗ trợ đáp ứng điều kiện hưởng nhiều chính sách hỗ trợ thì chỉ được áp dụng một chính sách hỗ trợ.

5. Việc hỗ trợ được thực hiện trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao hằng năm và theo khả năng cân đối ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tiêu chí, điều kiện hỗ trợ

Dự án sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số, dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn phải đáp ứng các tiêu chí sau:

1. Tiêu chí

a) Dự án thuộc một trong các loại dự án quy định tại Điều 1 Nghị quyết này.

b) Dự án có tổng mức đầu tư thực tế (không bao gồm tiền sử dụng đất, thuê đất) từ 100 tỷ đồng trở lên.

c) Nhà đầu tư thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về đầu tư; đã hoàn thành đầu tư các hạng mục theo nội dung đề xuất hỗ trợ và đưa vào hoạt động.

2. Điều kiện

a) Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.

b) Nhà đầu tư được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

c) Dự án triển khai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

d) Có hồ sơ đề xuất đầy đủ, rõ ràng, xác định cụ thể mục tiêu, nội dung, phương án triển khai, kết quả đầu ra dự kiến, kế hoạch tài chính và cơ cấu nguồn vốn (bao gồm vốn đối ứng nếu có).

đ) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định.

Điều 5. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Nhà đầu tư thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, đóng gói, kiểm thử chip bán dẫn, dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo được hỗ trợ 30% chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, thiết bị, máy móc, tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án.

2. Doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn được hỗ trợ:

a) Chi phí đào tạo phát triển nguồn nhân lực với mức hỗ trợ bằng 30% chi phí thực tế, tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án;

b) Chi phí nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm với mức hỗ trợ bằng 30% chi phí thực tế, tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án;

c) Chi phí mua công nghệ và đổi mới công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ với mức hỗ trợ bằng 30% chi phí thực tế, tối đa không quá 05 tỷ đồng/dự án;

3. Nhà đầu tư thực hiện dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn được hỗ trợ 30% chi phí mua công nghệ và đổi mới công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án.

Điều 6. Trình tự và thủ tục hỗ trợ

1. Nhà đầu tư đã hoàn thành đầu tư đáp ứng tiêu chí, điều kiện tại Điều 4, có nhu cầu, gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ cho dự án về cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh xem xét, phê duyệt hỗ trợ theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm đối tượng hưởng chính sách

1. Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, chứng từ, báo cáo, dữ liệu, thông tin phục vụ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả chính sách theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, đầy đủ của hồ sơ, tài liệu, thông tin kê khai và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật.

3. Đối tượng đã nhận hỗ trợ nhưng kê khai không trung thực, không đáp ứng tiêu chí, điều kiện hỗ trợ thì phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ và xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ ngân sách tỉnh (dự toán hằng năm cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số).

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời, đúng đối tượng và nội dung chính sách. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trong việc rà soát, thẩm định, thẩm tra, tổ chức thực hiện; kiểm soát rủi ro chính sách, bảo đảm quản lý chặt chẽ, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tuyệt đối không để xảy ra vi phạm trực lợi, thất thoát ngân sách nhà nước; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm.

b) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ Hội đồng nhân dân tỉnh hàng năm (tại kỳ họp thường lệ cuối năm) về kết quả triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 7 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XV, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Các bộ: Khoa học và Công nghệ,
Tài chính, Tư pháp (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, UVVHXH.

CHỦ TỊCH

Trịnh Thị Minh Thanh